

NHÀ NƯỚC TA VỚI CÔNG GIÁO

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Từ nửa đầu thế kỉ XVII, hoạt động truyền giáo phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam bắt đầu có hiệu quả. Trong đời sống chính trị - xã hội đặc biệt là đời sống tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam xuất hiện một tôn giáo mới - Công giáo.

Là tôn giáo độc thần, tự cho mình có một sứ mệnh cao cả mang ánh sáng Phúc âm đến dân ngoại, trong quá trình truyền giáo và phát triển đạo vào Việt Nam, Công giáo đã gạt ra ngoài những gì không phải là nó như thờ cúng tổ tiên, các tôn giáo truyền thống Phật, Nho, Đạo bị coi là đạo rối.

Truyền giáo, phát triển đạo Công giáo vào Việt Nam, một bộ phận giáo sĩ, giáo dân dưới mức độ khác nhau bị lợi dụng vào hoạt động thực dân xâm lược.

Linh mục Thiện Cẩm nhận xét: "Ngay từ đầu những giáo hội địa phương này đã bị lôi ra khỏi lòng mẹ là quê hương đã sinh dưỡng mình để đi theo một người mẹ khác xa lạ và nhiều khi chống đối lại người mẹ thứ nhất, trong khi mà đáng lí ra, người mẹ mới đó tức là giáo hội hoàn toàn có thể nhập thể để mang cùng một khuôn mặt, có cùng một tiếng nói và có một tình yêu thương mọi người con khác như người mẹ thứ nhất! Chúng ta hiểu vì sao người Việt Nam Công giáo ở những thời kì đầu của lịch sử Giáo hội trên đất nước này đã bị coi như kẻ bất hiếu với tổ tiên, phản bội lại đất nước và dân tộc"⁽¹⁾.

Công cuộc truyền bá, phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam vì vậy phải đối diện

với ba thách thức lớn, mang tính sống còn:

Công giáo và/với văn hóa Việt Nam;

Công giáo và/với tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống Việt Nam;

Công giáo và/với dân tộc Việt Nam .

Công giáo với dân tộc Việt Nam hoặc ngược lại dân tộc Việt Nam với Công giáo được thể hiện qua các triều đại phong kiến Việt Nam đến Nhà nước Việt Nam mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là vấn đề rộng lớn và phức tạp. Tuy vậy theo chúng tôi có thể tựu trung vào hai vấn đề lớn đó là *Quan điểm chỉ đạo* và *Hành động thực tiễn*.

Về quan điểm, Nhà nước ta trước sau chủ trương tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo, đáp ứng nhu cầu tôn giáo chính đáng của Công giáo; Đoàn kết Lương - Giáo là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân của tiến trình cách mạng Việt Nam.

Về hành động thực tiễn, Nhà nước ta tập hợp đông đảo giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân trong công cuộc giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh ngăn chặn những hoạt động lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, kiên quyết nhưng lượng hình.

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Thiện Cẩm. *Từ một giáo hội hiệp thông qua giáo hội hiệp nhất tiến tới giáo hội hiệp nhất trong sự khác biệt*. Kỷ yếu Hội nghị khoa học: *Vấn đề phong thánh tử đạo và lịch sử dân tộc Việt Nam*. UBKHXH, Ban Tôn giáo của Chính phủ, 1988, tr. 49 - 67.

Sau đây chúng tôi lần lượt đi vào những vấn đề cụ thể.

TÔN TRỌNG, ĐÁP ỨNG NHU CẦU TÔN GIÁO CHÍNH ĐÁNG CỦA CÔNG GIÁO

Truyền giáo, phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam do đối lập với văn hóa dân tộc Việt Nam với tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống ở Việt Nam đặc biệt là đối với dân tộc Việt Nam nên một thời gian dài, Công giáo bị xem là "Tả đạo", "Tà đạo Tây Dương"; "Tà giáo Tây Dương"... Các giáo sĩ được gọi dưới cái tên "Tây Dương đạo trưởng", còn giáo dân bị gọi là "Dữu dân" được xem như loại cỏ "lồng vực" có hại cho mùa màng. Triều đình phong kiến từ vua đến quan hiểu biết về Công giáo còn hết sức nông cạn đôi khi còn sai lệch. Như: "Đạo Gia tô là tôn giáo nước khác truyền vào nước ta, bịa ra thuyết thiên đường, địa ngục, khiến cho kẻ ngu phu ngu phụ chạy vạy như điên, tiêm nhiễm thành quen, mê mà không biết"⁽²⁾. Hoặc: "Lại tục truyền tà giáo Tây Dương thường khoét mắt người, và cho một trai một gái ở chung một nhà có tường ngăn cách, lâu ngày động tình dục, nhân đấy đập cho chết bẹp, lấy nước (xác chết đó) hoà làm bánh (thánh), mỗi khi giảng đạo cho mọi người ăn, khiến cho mê đạo mà không bỏ được"⁽³⁾.

Triều đình phong kiến Nguyễn thi hành chính sách cấm đạo gắt gao không có sự phân biệt đâu là nhu cầu tôn giáo chính đáng của tín đồ - công dân. Các "Tây Dương đạo trưởng" kể cả linh mục người Việt đều bị tàn sát, tất cả tín đồ buộc phải "quá khoá" bỏ đạo nếu không họ sẽ bị trừng phạt. Chỉ những người bước qua Thập giá, thực lòng tỉnh ngộ ăn năn, tình nguyện bỏ đạo thì đều tha tội cho về yên nghiệp làm ăn⁽⁴⁾. Tín đồ - công dân theo Công giáo được xem là công dân loại II, họ không được Nhà nước phong kiến tin

dùng, ngay cả những quan lại, trí thức Công giáo có thiện tâm canh tân đất nước.

Năm 1874, triều đình nhà Nguyễn kí với Pháp Điều ước lần thứ hai, vấn đề cấm đạo mới thực sự bị dỡ bỏ qua Điều 9 bản Điều ước. Tiếp theo, vua Tự Đức ban dụ chuẩn đổi tên gọi (mùa Xuân, Tự Đức năm 27), dụ về bồi thường dân đạo (mùa Xuân, Tự Đức năm 28); Định lệ về thi cử của giáo dân (Tháng 7, Tự Đức thứ 28)... Như vậy, cho đến tận thời kì này Công giáo mới được nhìn nhận như một tôn giáo. Tuy nhiên nhà Nguyễn đã dần dần mất vai trò quản lí đất nước, việc thực thi không được là bao, đấy là chưa kể đến phong trào Văn thân với khẩu hiệu "Bình Tây, sát Tả".

Trở lại những trang lịch sử để thấy, đối với Công giáo, Nhà nước ta đã đi những bước dài về quan điểm cũng như hành động thực tiễn. Phải nói ngay rằng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Công giáo được Đảng ta coi là một tôn giáo, không có một sự kì thị nào. Chẳng những thế lòng nhân ái cao cả của Giêsu được đề cao. Chủ tịch Hồ Chí Minh tự nhận là người học trò nhỏ các vị Khổng Tử, Giêsu, Tôn Dật Tiên, C. Mác⁽⁵⁾.

Ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày trước Hội đồng Chính phủ: "Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà" và đề nghị Chính phủ ta tuyên bố "Tự do tín ngưỡng và Lương - Giáo đoàn

2. *Đại Nam thực lục chính biên*. Nxb Sử học, Hà Nội 1963, tập 3, tr. 169.

3. *Đại Nam thực lục chính biên*. Nxb KH, 1966, tr. 243 - 244.

4. *Đại Nam thực lục chính biên*. Nxb KH, 1966, tập 13, tr. 24.

5. Xem: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Bản Trung văn của Trương Niệm Phúc, Nxb Tam Liên, Thượng Hải tháng 6 - 1946.

kết"⁽⁶⁾. Đây là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp của dân tộc, năm nào Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng gửi thư cho đồng bào Công giáo nhân dịp lễ Nôen, động viên đồng bào Công giáo kiên quyết kháng chiến "vì Đức Chúa, vì Tổ quốc". Chỉ đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và đặc biệt đến khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khai sinh, tư tưởng *Kính Chúa - Yêu nước* manh nha từ giai đoạn trước nay mới hình thành đậm nét. Người Công giáo Việt Nam không còn phải kẹt giữa Thiên Chúa và Tổ quốc. Đây là một sự giải toả lớn lao trong ý thức bao đời của người Công giáo. Họ vẫn có thể là tín đồ ngoan đạo nhưng vẫn là một công dân tốt. Hai vấn đề này hoà quyện vào nhau, bổ sung cho nhau. Đó chính là việc gắn đạo với đời theo một phương châm *sống tốt đạo đẹp đời*. Trong các bức thư gửi đồng bào Công giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu quan điểm *Phụng sự Thiên Chúa, Phụng sự Tổ quốc*. Đặt Thiên Chúa lên trước Tổ quốc, đặt Đạo trước Đời, không phải là một khẩu hiệu hoặc một biện pháp chiến thuật mà ở đây nó biểu thị sự tôn trọng tín lí của người Công giáo bởi với họ Thiên Chúa bao giờ cũng phải ở vị trí đầu tiên. Chỉ có nghiêm cứu kĩ, am hiểu giáo lí, Chủ tịch Hồ Chí Minh mới có một quan điểm như vậy. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn tìm những tương đồng giữa việc làm của Chính phủ với tinh thần của Phúc âm. Người viết: "Những việc Chính phủ làm và nhân dân ta làm đều hợp với tinh thần Phúc âm". Và việc bà con tham gia vào công cuộc giải phóng Tổ quốc chính là làm "sáng danh Đức Chúa". Trong các thư gửi đồng bào Công giáo, Hồ Chí Minh không bao

giờ quên "Cầu Đức Chúa ban cho đồng bào mọi phúc lành". Trong thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ, giám mục địa phận Phát Diệm đề ngày 7 tháng 9 năm 1948 khi nói về nguyên nhân của những thắng lợi mà quân và dân ta giành được trên chiến trường, Hồ Chí Minh viết: "Đó là nhờ Đức Chúa phù hộ nước ta mà phạt bọn thực dân hung ác. Hai là nhờ tướng sĩ ta dũng cảm, đồng bào ta hăng hái". Ở một đoạn khác trong cùng một bức thư, Người viết: "Vẫn biết địch sẽ tấn công nhiều lần nhiều nơi nữa, ta còn phải kinh qua nhiều bước gay go nữa, nhưng với sự phù hộ của Đức Chúa, với sự cương quyết của dân và quân ta, với sự giúp đỡ của những bậc lão thành như Cụ, thì sớm hoặc muộn ta cũng thắng lợi"⁽⁷⁾.

Tháng 1 năm 1946, nói chuyện với Giám mục Lê Hữu Từ và hơn 100 linh mục, Người hô lớn cùng các linh mục: Lòng bác ái của Đức Chúa muôn năm⁽⁸⁾.

Tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của giáo dân, Nhà nước ta đồng thời đáp ứng những nhu cầu tôn giáo chính đáng của Công giáo. Ngày 23 tháng 11 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh số 65, ấn định nhiệm vụ Đông phương Bác cổ học viện, gồm 4 điều, trong đó Điều 4 nêu rõ: Cấm phá huỷ những đình, chùa, đền, miếu, hoặc những nơi thờ tự khác...⁽⁹⁾. Trong khi cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp đang diễn ra quyết liệt, ngày 9 tháng 9 năm 1945, Chủ

6. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Nxb KHXH, 1998, tr. 154.

7. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sđd, tr. 213 - 214.

8. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sđd, tr. 171.

9. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sđd, tr. 162.

tịch Hồ Chí Minh ban bố *Tám điều mệnh lệnh của Chính phủ dân chủ cộng hoà Việt Nam*, điểm 4: bảo vệ đền chùa, nhà thờ, trường học, nhà thương và các cơ quan văn hóa xã hội khác...

Chính quyền, quân đội và đoàn thể phải tôn trọng tín ngưỡng, phong tục tập quán của đồng bào⁽¹⁰⁾.

Những năm tháng đầu tiên của Miền Bắc giải phóng, Nhà nước ta có biết bao công việc phải làm những vấn đề tôn giáo vẫn được quan tâm một cách thoả đáng. Ngày 14 - 6 - 1955 Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ban bố *Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo* (Sắc lệnh 234/SL) gồm 5 chương, 16 điều đề cập đến quan điểm của Nhà nước ta với vấn đề tôn giáo và các hoạt động của tôn giáo. Đáng chú ý, Điều 13 viết: Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo. Riêng về Công giáo, quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Việt Nam với Tòa thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo. Đặc biệt Điều 9 quy định: Các tôn giáo được phép mở trường tư thục. Các trường tư đó phải dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ. Ngoài giờ dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ, có thể dạy thêm giáo lí cho những học sinh nào muốn học⁽¹¹⁾.

Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo ra đời rất kịp thời thể hiện sự quan tâm của Nhà nước ta về tôn giáo. Văn bản này được thực hiện trong một thời gian dài cho đến ngày 11 - 11 - 1977 khi Chính phủ ra Nghị quyết số 297/CP quy định về một số chính sách đối với tôn giáo được áp dụng trong cả nước, thay cho sắc lệnh 234. Trước tình hình mới, ngày 21 tháng 3 năm 1991 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định 69 quy định về các hoạt động tôn giáo; Tiếp đó là Nghị định số 26/1999/NĐ-CP của Chính

phủ về *Các hoạt động tôn giáo*. Theo số liệu thống kê từ các cơ quan chức năng, từ khi có Nghị định 69 đến năm 2000, Giáo hội Công giáo Việt Nam đã phong chức cho 623 linh mục, tấn phong 9 giám mục. Cùng thời gian có 576 chủng sinh đang theo học tại 6 Đại chủng viện liên địa phận. Hiện cứ 2 năm, các Đại chủng viện chiêu sinh một lần trung bình từ 50 - 70 chủng sinh cho một chủng viện.

KHAI THÁC NHỮNG YẾU TỐ TÍCH CỰC, XOÁ BỎ ĐỊNH KIẾN, TẬP HỢP ĐÔNG ĐẢO GIÁO SĨ, TU SĨ, GIÁO DÂN TRONG CÔNG CUỘC GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Nếu như quan điểm tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo, đáp ứng nhu cầu tôn giáo chính đáng của Công giáo là một bước tiến dài của Nhà nước ta, thì vấn đề xoá bỏ định kiến, khai thác những yếu tố tích cực trong giáo dân là thành tựu lớn thứ hai của Nhà nước ta đối với Công giáo mà các triều đại phong kiến trước đó do hạn chế về lịch sử, về giai cấp đã không làm được.

Khác với các triều đại phong kiến, Nhà nước ta không cho tất cả tín đồ Công giáo vào "một rọ" rồi đẩy họ vào thế đối lập mà nhìn nhận họ ở những khía cạnh khác nhau. Lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng là nhận thức của Nhà nước ta: "Đại đa số đồng bào Công giáo cũng là nông dân nghèo khổ, cũng bị bóc lột tàn tệ, cũng muốn có cơm ăn, ruộng cày"⁽¹²⁾ và "Phần lớn đồng bào tôn giáo, nhất là các tầng lớp lao động đều yêu nước kháng

10. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sđd, tr. 168.

11. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sđd, tr. 306 - 307.

12. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sđd, tr. 319.

chiến, như Công giáo ở nhiều nơi"⁽¹³⁾.

Tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong điều kiện so sánh lực lượng bất lợi cho ta, kẻ địch luôn tìm cách chia rẽ Lương – Giáo, đoàn kết Lương – Giáo được Đảng, Nhà nước ta thực hiện với những việc làm hết sức cụ thể. Đó là việc khơi dậy tinh thần yêu nước của tín đồ, từ đó tập hợp được đông đảo tín đồ tôn giáo trong đó có Công giáo. Bởi vì: “Số đông đồng bào Công giáo hiểu rằng, nước có thật độc lập, dân mới thật tự do tín ngưỡng”.

Nhận rõ vai trò của trí thức Công giáo, của hàng giáo phẩm đối với tín đồ Công giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hết sức tranh thủ họ. Trong thành phần Chính phủ lâm thời có đại biểu của khối Công giáo như: Nguyễn Mạnh Hà, Ngô Tử Hạ, Vũ Đình Tụng, Phạm Bá Trực. Hai Giám mục là Lê Hữu Từ và Hồ Ngọc Cẩn được đề nghị làm cố vấn Chính phủ. Không những thế Hồ Chí Minh còn nhận Lê Hữu Từ là bạn của mình, trong một số bức thư gửi cho Lê Hữu Từ, người gọi là Đức Cha, một cách gọi kính trọng đối với giám mục. Ngay cả khi Lê Hữu Từ bộc lộ hoạt động chống đối cách mạng, Người vẫn kiên trì thuyết phục với lời lẽ mềm mỏng. Cách ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Giám mục Lê Hữu Từ là cách ứng xử tiêu biểu của tinh thần xoá bỏ định kiến, khai thác những yếu tố tích cực trong đồng bào Công giáo của Đảng, Nhà nước ta.

Không chỉ tập hợp đồng bào Công giáo trong khối đoàn kết toàn dân đánh giặc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Nhà nước ta còn là chỗ dựa để giới Công giáo thành lập ra tổ chức yêu nước tham gia vào phong trào cách mạng chung. Đó là tổ chức: *Ủy ban Liên lạc những người Công giáo Việt Nam yêu tổ quốc, yêu hoà bình*, thành lập năm 1955. Tổ chức này trong

gần 30 năm hoạt động đã là nơi hội tụ, tập hợp hàng giáo phẩm, tu sĩ, giáo dân tham gia các phong trào xây dựng và bảo vệ Miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Tiếp đó là tổ chức: *Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam* thành lập tháng 11-1983. Cho đến nay tổ chức này đã tiến hành 3 kì đại hội. Ủy ban thiết lập ở 33 tỉnh, thành phố, là ngọn cờ của phong trào yêu nước trong đồng bào Công giáo, tập hợp đông viên người Công giáo thực hiện tốt nhiệm vụ công dân.

Sau ngày Miền Bắc giải phóng (1954) đặc biệt là sau giải phóng Miền Nam (1975) đối với đồng bào Công giáo không có sự “tắm máu” trả thù như kẻ thù và bọn xấu xuyên tạc. Đồng bào Công giáo cũng như đồng bào theo các tôn giáo khác đều được tôn trọng, được động viên khuyến khích, tạo điều kiện để mỗi tín đồ, mỗi tu sĩ, mỗi giáo sĩ đều có điều kiện đóng góp nhiều nhất cho đất nước.

Những việc làm ích nước lợi dân của Giáo hội, của hàng giáo phẩm, tu sĩ và giáo dân được Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện. Sau ngày Miền Nam giải phóng, điều kiện kinh tế đất nước gặp khó khăn, Nhà nước tạo điều kiện cho hàng giáo phẩm, tu sĩ tăng gia sản xuất, vỡ hoang, trồng trọt, chăn nuôi, làm các nghề thủ công. Các dòng tu được tham gia vào hoạt động xã hội - văn hoá - từ thiện như mở lớp học tình thương, khám chữa bệnh cho người nghèo, dạy xoá mù chữ, quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt. Đồng bào Công giáo từng bước hoà nhập với cộng đồng, với dân tộc, vui niềm vui của dân tộc, đau nỗi đau của dân tộc không còn là người đứng ngoài, là công dân loại hai.

13. Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng. Sđd, tr. 247.

Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) khởi xướng đổi mới toàn diện trong đó có vấn đề tôn giáo mà Công giáo là một bộ phận. Từ đây đồng bào Công giáo càng có nhiều điều kiện tham gia xây dựng bảo vệ đất nước. Hầu hết các dòng nữ tu tham gia vào việc giữ trẻ và dạy mẫu giáo, tham gia vào phong trào xã hội hoá giáo dục. Vấn đề xã hội hoá y tế cũng có sự đóng góp đáng kể của các nữ tu. Hình ảnh các nữ tu dành trọn cuộc đời cứu giúp bệnh nhân phong (cùi) đã, đang và vẫn sẽ là hành động cao cả đẹp đẽ sống vì tha nhân. Năm 2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh khánh thành trung tâm điều dưỡng bệnh nhân AIDS giai đoạn cuối mang tên Mai Hoà do các nữ tu đảm nhiệm.

Xoá bỏ định kiến, khai thác những yếu tố tích cực trong Công giáo được thực hiện nhất quán, trước sau như một đó là việc làm thể hiện quan điểm đại đoàn kết của Đảng, Nhà nước ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại khởi xướng. Việc làm ấy thấm dầm, thấm sâu, lắng đọng trong từng con tim khối óc người Công giáo, tạo nên sự chuyển biến trong tư tưởng và hành động của mỗi người. Với Cách mạng Tháng Tám: “Ngoại trừ các cố thừa sai, chẳng một ai lấy làm lạ khi thấy hàng giáo sĩ và hàng giáo dân các xứ đạo đã sắp hàng đứng sau cụ Hồ Chí Minh”⁽¹⁴⁾. Trong tuần lễ vàng, Giám mục Hồ Ngọc Cẩn địa phận Bùi Chu đem dây chuyền vàng cúng vào công quỹ, chỉ giữ lại cây thánh giá cho vẹn đôi hàng phụng sự Thiên Chúa, phụng sự Tổ quốc. Có một Công giáo kháng chiến Nam Bộ, chống Pháp “Tại mỗi khu, kháng chiến Công giáo có quăng 400 – 600 chiến sĩ được trang bị những súng cũ nhưng tinh thần rất cao, nhất là nhờ có sự cổ vũ của đồng

bào Công giáo tuy không có vũ khí, mà vẫn quyết tâm cùng đánh đuổi quân thù. Về mặt thiêng liêng, họ được các linh mục yêu nước giúp đỡ như ba anh em Linh mục Nguyễn Bá Luật, Nguyễn Bá Sang và Nguyễn Bá Kính... Trong số các linh mục kháng chiến còn sống sót sau 8 năm vào bưng, phải kể cha Hồ Thành Biên, Lương Minh Kỹ, Nguyễn Bá Kính, Võ Thành Trinh”⁽¹⁵⁾.

Ở Miền Bắc, sau ngày Độc lập 2 – 9 – 1945 không lâu, các giám mục và đồng bào Công giáo Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Bình gửi thư lên Hồ Chí Minh khẳng định: “Dù phải hi sinh xương máu để kiến thiết một Nhà nước tự do hạnh phúc hoàn toàn, thì chúng tôi cũng sẵn sàng không ngần ngại”⁽¹⁶⁾.

Sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, ngày 5 – 5 – 1975, Tổng Giám mục Sài Gòn, Nguyễn Văn Bình, gửi thư cho giáo dân, có đoạn: “Một trang sử mới đã mở ra cho dân tộc Việt Nam. Từ ngày 30 – 4 vừa qua, chiến tranh đã chấm dứt, hoà bình đã trở lại... Đây là một niềm vui chung của cả một dân tộc, và với cái nhìn theo đức tin, đây cũng chính là một hồng ân của Thiên Chúa... Hơn mọi lúc, giờ đây người Công giáo phải hoà mình vào nhịp sống của toàn dân, đi sâu vào lòng dân tộc”⁽¹⁷⁾.

Và cuối cùng, tựu trung lại là đường hướng hoạt động của Giáo hội Công giáo

14. Linh mục Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*. Sđd, tr. 59.

15. Linh mục Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*. Sđd, tr. 59.

16. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sđd, tr. 157.

17. Nguyễn Huy Liệu. *Mười ba năm phong trào yêu nước trong đồng bào Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh*. Kỉ yếu Hội nghị khoa học. *Vấn đề phong thánh tử đạo và lịch sử dân tộc Việt Nam*. Ủy ban KHXH - Ban Tôn giáo của Chính phủ, 1988, tr. 164.

Việt Nam, thể hiện qua *Thư chung mục vụ 1980* là “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”.

ĐẤU TRANH NGĂN CHẶN NHỮNG HOẠT ĐỘNG LỢI DỤNG TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM, KIÊN QUYẾT NHƯNG LƯỢNG HÌNH

Tôn trọng tự do tín ngưỡng, đoàn kết lương giáo nhưng Nhà nước ta đồng thời kiên quyết đấu tranh ngăn chặn những hoạt động lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Nhà nước ta coi việc đấu tranh ngăn chặn những hoạt động lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam vừa là cuộc đấu tranh để bảo vệ toàn vẹn độc lập dân tộc và an ninh quốc gia vừa là để bảo vệ tự do tín ngưỡng tôn giáo chính đáng cho đồng bào Công giáo.

Trọng tâm của cuộc đấu tranh trước hết là chống âm mưu hoạt động lợi dụng Công giáo của các thế lực thù địch. Trong quá trình đấu tranh, Nhà nước ta bao giờ cũng biết phân biệt kẻ cầm đầu và người bị lợi dụng, tách vấn đề chính trị ra khỏi vấn đề tôn giáo. Bởi vì Nhà nước ta không chống tôn giáo, chỉ chống việc lợi dụng tôn giáo hoạt động chính trị đen tối phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam.

Trong đấu tranh Nhà nước ta đã nhận được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng tín đồ và hàng ngũ giáo sĩ tiến bộ. Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước CHXHCN Việt Nam đã biết tuyên truyền, giác ngộ ý thức trách nhiệm công dân của mỗi tín đồ. Thực tế cho thấy khi quần chúng tín đồ và hàng ngũ giáo sĩ tiến bộ với tinh thần trách nhiệm công

dân cao làm hậu thuẫn thì âm mưu của các thế lực thù địch khó có thể thực hiện các ý đồ của chúng.

Trong đấu tranh, Nhà nước luôn coi trọng biện pháp phòng ngừa. Nhìn chung các cơ quan hữu quan của Nhà nước đã thường xuyên nắm bắt diễn biến tâm tư tình cảm, nguyện vọng của quần chúng tín đồ và hàng ngũ chức sắc tôn giáo, giải quyết kịp thời những nhu cầu chính đáng về tôn giáo của họ.

Quản lý các hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật là một trong những biện pháp phòng ngừa có hiệu quả, nhằm hạn chế, thu hẹp các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo.

Trong việc xử lý các hành vi vi phạm luật pháp, lợi dụng tôn giáo cho những mục đích chính trị thù địch, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta là rất rõ ràng: “Đảng Cộng sản chẳng những không tiêu diệt tôn giáo, mà còn bảo hộ tôn giáo... Nếu giáo hội có người làm tay sai cho đế quốc xâm lược thì bất kỳ những người đó ở tôn giáo nào cũng phải chịu pháp luật trừng trị. Không vì trừng trị bọn phản động trong giáo hội mà Chính phủ can thiệp đến tín ngưỡng tự do. Cũng không vì bảo hộ tín ngưỡng tự do, mà Chính phủ dung túng bọn chó săn của đế quốc, để mặc chúng phá hoại Tổ quốc yêu quý của chúng ta”⁽¹⁸⁾./.

18. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sđd, tr. 293.